

VIETNAM DAILY

[Điểm nhấn thị trường]

TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của cổ phiếu nhóm bất động sản và ngân hàng

[Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF]

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở

[Thông tin doanh nghiệp]

PLX, DPR

[Cập nhật công ty]

PLX

[Quan điểm đầu tư]

NDT được khuyến nghị chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp đối với các mã mục tiêu.

08/06/2022

| | Chỉ số | Thay đổi (%, bp) |
|--------------------------|----------|---------------------|
| VNIndex | 1,307.91 | +1.28 |
| VN30 | 1,342.03 | +1.33 |
| HĐTL VN30F1M | 1,333.00 | +1.37 |
| HNXIndex | 310.93 | +2.23 |
| HNX30 | 571.22 | +2.65 |
| UPCoM | 95.00 | +1.40 |
| USD/VND | 23,191 | -0.02 |
| Lợi suất TPCP 10 năm (%) | 3.14 | -0 |
| Lãi suất qua đêm (%) | 0.45 | +19 |
| Dầu (WTI, \$) | 120.27 | +0.72 |
| Vàng (LME, \$) | 1,847.45 | -0.27 |



Điểm nhấn thị trường

VNIndex 1,307.91 (+1.28%)
KLGD (triệu CP) 584.6 (+0.5%)
GTGD (triệu US\$) 722.6 (-6.0%)

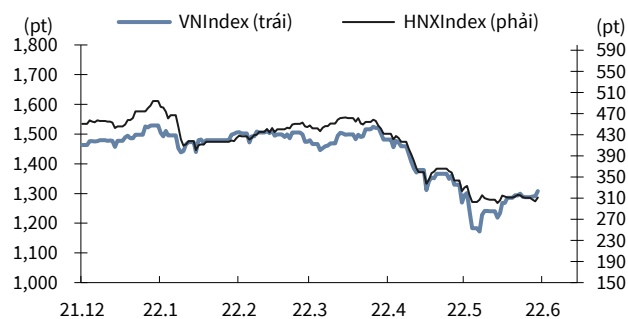
HNXIndex 310.93 (+2.23%)
KLGD (triệu CP) 82.0 (-37.4%)
GTGD (triệu US\$) 82.2 (-17.2%)

UPCoM 95.00 (+1.40%)
KLGD (triệu CP) 56.4 (-16.0%)
GTGD (triệu US\$) 47.6 (-24.7%)

NĐTNN mua ròng (triệu US\$) +13.6

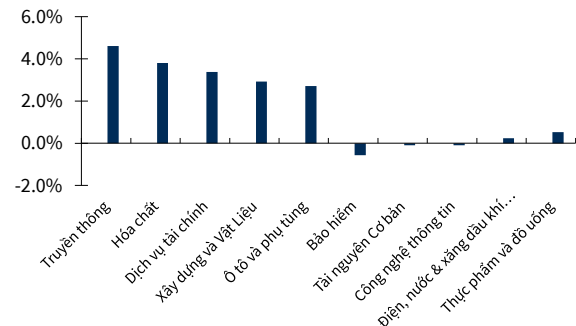
TTCK Việt Nam tăng điểm trước sự dẫn dắt của cổ phiếu nhóm bất động sản và ngân hàng. Giá dầu tiếp tục tăng sau khi nhiều tổ chức kinh tế tăng dự báo giá dầu và cho rằng sản lượng khai thác dầu thô của liên minh OPEC+ sẽ khó có thể tăng lên trong thời gian tới cho dù liên minh này đạt thỏa thuận nâng đáng kể sản lượng khai thác thêm trong tháng 7 và tháng 8 khiến cổ phiếu nhóm dầu khí tiếp tục tăng PVD (+2.8%), BSR (+2%). Theo Hiệp hội Xi măng, trong tháng 5 giá xi măng tăng và sản lượng tiêu thụ toàn ngành ước đạt gần 9.3 triệu tấn, tăng khoảng 3% so với cùng kỳ năm 2021 tác động tích cực đến cổ phiếu nhóm xi măng ở HT1 (+3%), BCC (+2.3%). Khối ngoại mua ròng ở DPM (-1.0%), MSN (+1.2%), GAS (-0.9%).

VNIndex & HNXIndex



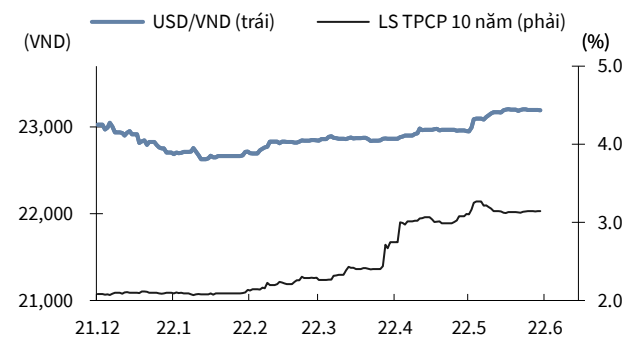
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Biến động nhóm ngành



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

USD/VND & lợi suất trái phiếu chính phủ 10 năm



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Giá trị mua ròng khối ngoại lũy kế 3 tháng



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

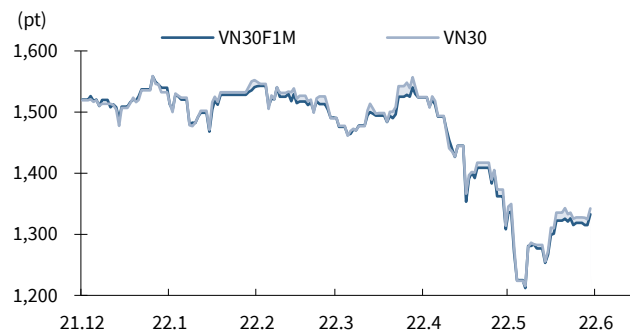
Hợp đồng tương lai/Quỹ ETF

| | |
|------------------|--------------------------|
| VN30 | 1,342.03 (+1.33%) |
| VN30F1M | 1,333.0 (+1.37%) |
| Mở cửa | 1,321.0 |
| Cao nhất | 1,342.0 |
| Thấp nhất | 1,319.8 |

Các HĐTL tăng điểm tương đồng với diễn biến của thị trường cơ sở. Chênh lệch F2206 và chỉ số VN30 mở cửa ở mức -2.17 điểm, sau đó giảm sâu về mức -11.17 điểm trước khi đóng cửa ở mức -9.03 điểm, cho thấy tâm lý thận trọng của nhà đầu tư trước đà tăng của thị trường cơ sở. Khối ngoại mua ròng với thanh khoản thị trường giảm nhẹ.

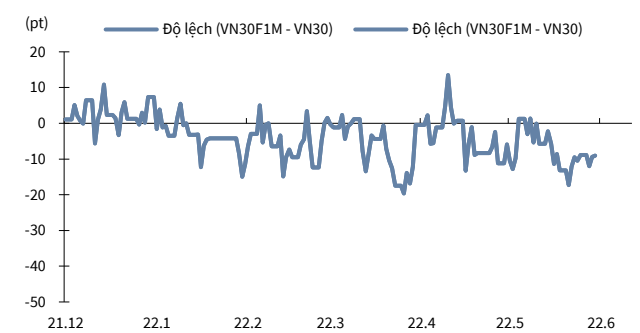
KLGD (HĐ) **270,731 (-3.4%)**

HĐTL VN30F1M & VN30



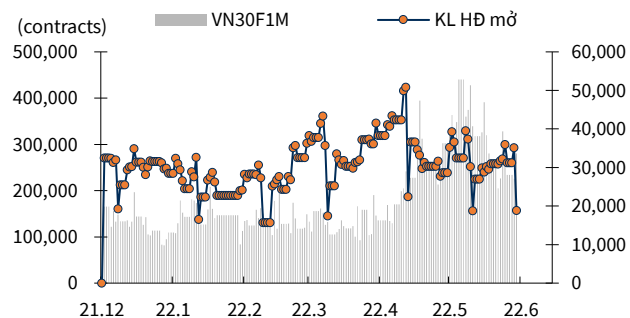
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Độ lệch HĐTL VN30F1M so với VN30



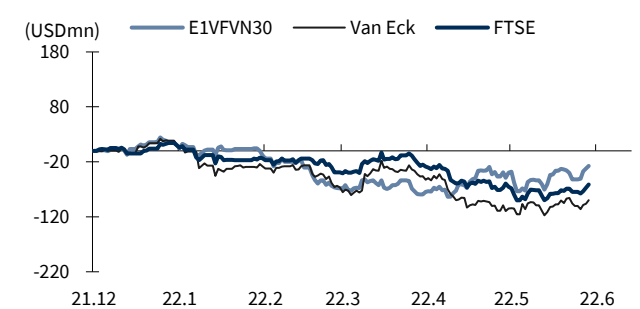
Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KLGD HĐTL VN30F1M & KL hợp đồng mở



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

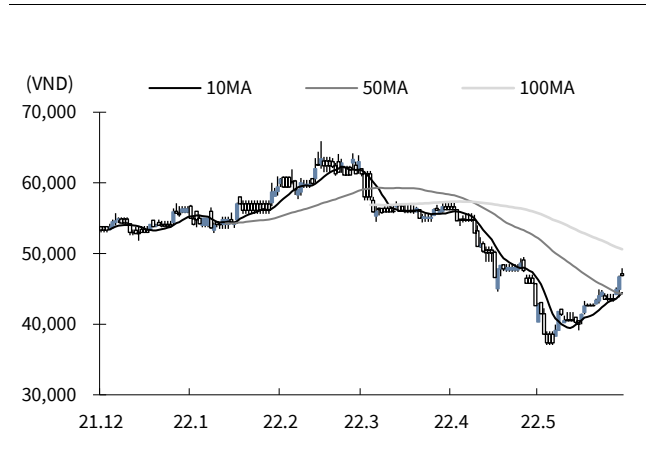
Biến động tổng tài sản các quỹ ETFs lớn



Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Thông tin doanh nghiệp

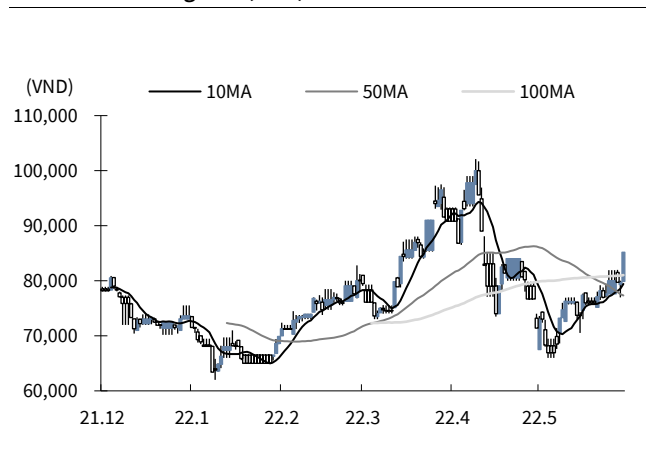
Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam (PLX)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- PLX tăng 0.32% lên 46,850 VND/cp
- 5 tháng đầu năm, sản lượng kinh doanh xăng dầu của Petrolimex đạt 5.9 triệu m³, bằng 48.4% kế hoạch năm, dự kiến lợi nhuận trước thuế khoảng 1,340 tỷ đồng, thực hiện 44% kế hoạch năm.
- Petrolimex dự kiến sẽ sớm có báo cáo phương án giảm tỷ lệ sở hữu nhà nước xuống dưới 65% và đang hoàn tất thủ tục tư vấn, xin phép cơ quan quản lý nhà nước thoái vốn tại PGBank thông qua đấu giá công khai, thời điểm thực hiện nửa đầu quý IV/2022.

CTCP Cao su Đồng Phú (DPR)



Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

- DPR tăng 6.9% lên 85,200 VND/cp
- Cao su Đồng Phú đặt kế hoạch kinh doanh năm 2022 với lợi nhuận 260 tỷ đồng, giảm 31.3% YoY và doanh thu 910 tỷ đồng, giảm 17.6% YoY trên kịch bản giá bán ở mức 38.83 triệu đồng/tấn và tỷ lệ cổ tức tối thiểu 15%. Công ty tiếp tục thực hiện phương án nhận sáp nhập cao su Đồng Phú – Đắk Nông và thưởng cổ phiếu tỷ lệ 1:1.

Tập đoàn Xăng dầu Việt Nam

Cập nhật ĐHCĐ năm tài chính 2021

Chúng tôi đã tham gia Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của PLX và ghi nhận một số thông tin chính về KQKD 5 tháng đầu năm 2022 cũng như triển vọng, kế hoạch của công ty trong tương lai.

Kết quả kinh doanh Quý 1/2022 đi lùi do diễn biến phức tạp từ nguồn cung xăng dầu

— Về kết quả kinh doanh Quý 1/2022, PLX ghi nhận Doanh thu và LNST lần lượt đạt 67,020 tỷ VNĐ (+75% YoY) và 337 tỷ VNĐ (-60% YoY). Biên LN gộp của Quý 1/2022 sụt giảm sâu, đạt 4.14% so với mức 8.87% của Quý 1/2021. BLĐ giải thích kết quả này ảnh hưởng phần lớn do sự cố tại NMLD Nghi Sơn, khiến PLX phải nhập xăng dầu từ các nguồn khác theo mức giá Spot (giá giao ngay) thay vì giá Term (giá kì hạn kí theo hợp đồng), từ đó đẩy giá vốn tăng cao. PLX kỳ vọng biên LN gộp có thể hồi phục trong các quý tiếp theo, do doanh nghiệp đã chủ động hơn trong việc cân đối nguồn cung xăng dầu. Cho cả năm 2022, PLX đặt kế hoạch tổng sản lượng xăng dầu tiêu thụ đạt khoảng 12.2 triệu tấn (-2% YoY), tổng doanh thu dự kiến đạt 186,000 tỷ VNĐ (+10% YoY) và LNTT đạt 3,060 tỷ VNĐ (-19% YoY).

Sản lượng xăng dầu cung ứng cho PLX dự kiến vẫn còn nhiều biến động

— Theo chia sẻ từ Ban lãnh đạo, ước tính 5 tháng 2022 sản lượng xăng dầu phân phối của PLX đạt 5.9 triệu m³, đạt 48.5% kế hoạch năm và LNST đạt 1,340 tỷ VNĐ, hoàn thành 44% kế hoạch năm. Về tỷ lệ nguồn cung xăng dầu, trong giai đoạn 2021 trở về trước, tỷ lệ nhập khẩu xăng dầu là 30%, 70% nội địa (đến từ 2 NMLD Bình Sơn và Nghi Sơn). Tuy nhiên năm 2022, do sự cố từ nhà máy lọc dầu Nghi Sơn (NSR), PLX ước tính tỷ lệ nhập khẩu đã tăng lên khoảng 46% trong 1H2022. Trong thời gian tới, tình hình tại NSR vẫn phức tạp khi chỉ đảm bảo nguồn cung tới hết tháng 6/2022 và chưa đảm bảo tính ổn định cung cấp hàng cho PLX, do đó PLX vẫn sẽ có kế hoạch về việc duy trì nhập khẩu xăng dầu để đảm bảo nhu cầu nội trong 2H2022.

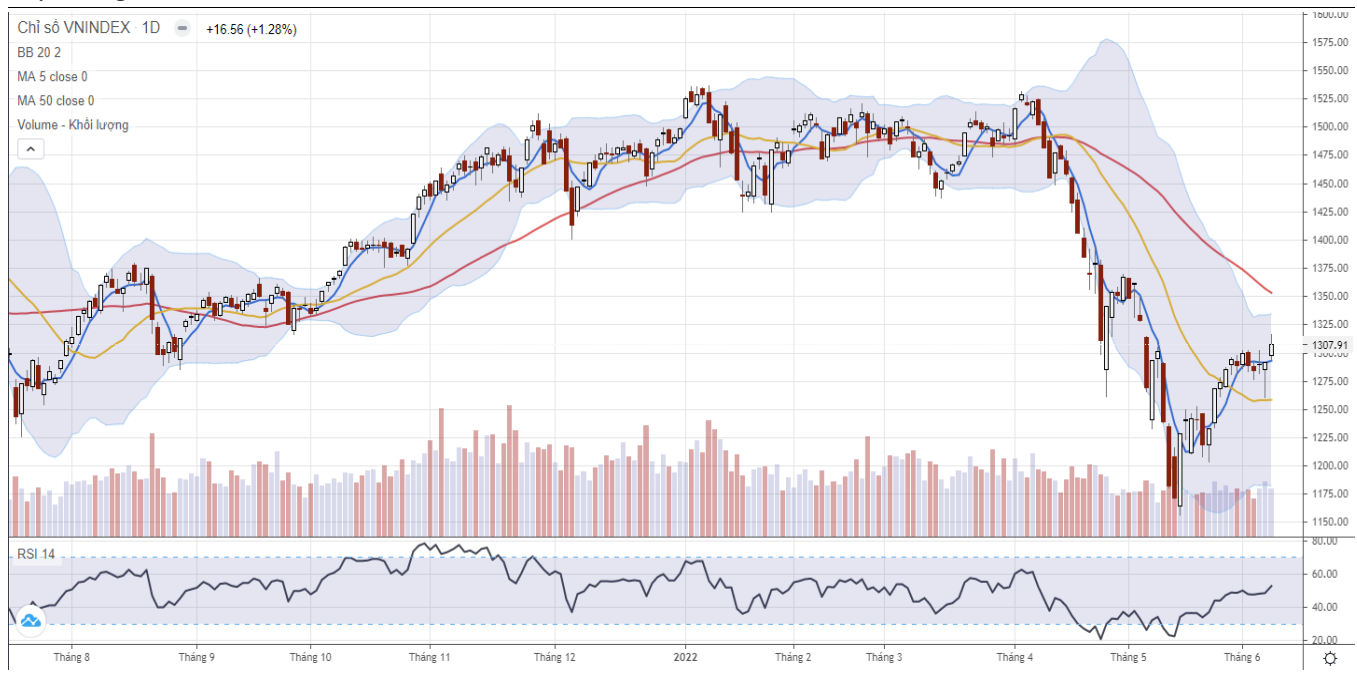
PLX đang thực hiện các hoạt động thoái vốn liên quan tới doanh nghiệp

- BLĐ PLX cho biết, tỷ lệ sở hữu nhà nước theo chỉ đạo của Thủ tướng sẽ giảm xuống mức 51% - <65% và PLX đang xây dựng kế hoạch để có thể trình lên các cấp có thẩm quyền. BLĐ kì vọng rằng Ủy ban Quản lý vốn Nhà nước sẽ thực hiện thoái vốn trong giai đoạn 2021-2025 ngay khi được phê duyệt các hồ sơ liên quan.
- Về việc thoái vốn tại PGBank, hiện tại PLX đã được chấp thuận về chủ trương và DN đang làm việc với các bên kiểm toán cũng như tư vấn để đưa ra phương án phù hợp nhất. PLX cũng cho biết, ngay sau khi được sự chấp thuận từ UBCKNN sẽ thực hiện đấu giá công khai trong Quý 4/2022 để tiến hành thoái vốn PGB.

Quan điểm kỹ thuật

Xu hướng & Hành động

Thị trường cơ sở – Chỉ số VNIndex



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

- VNIndex tăng điểm ngay từ đầu phiên với các nhịp tăng gồng đầu trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên
- Áp lực chốt lời sau một nhịp tăng điểm tích cực, chớm phá ngưỡng kháng cự tâm lý quanh 1300, đã khiến cho đà tăng của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 133x vẫn được đánh giá cao.
- NĐT được khuyến nghị chốt lời từng phần vị thế ngắn hạn khi chỉ số tiếp cận vùng cản kế tiếp đối với các mã mục tiêu.

Chỉ số VN30



Thị trường phái sinh – Hợp đồng tương lai VN30F1M (F1)



Nguồn : Trading View, KB Securities Vietnam

Ngưỡng trong phiên

Kháng cự xa: 1350 - 1355

Kháng cự gần: 1340 - 1343

Hỗ trợ gần: 1317 - 1320

Hỗ trợ xa: 1300 - 1303

- F1 tăng điểm ngay từ đầu phiên với các nhịp tăng gồng đầu trước khi suy yếu và đánh mất một phần thành quả đạt được về cuối phiên
- Áp lực bán mạnh sau một nhịp tăng điểm tích cực, chớm phá ngưỡng kháng cự gần quanh 1330, đã khiến cho đà tăng của chỉ số không duy trì được đến cuối phiên. Mặc dù vậy, với xu hướng tăng điểm vẫn đang đóng vai trò chủ đạo, cơ hội mở rộng nhịp hồi phục và hướng lên vùng kháng cự kế tiếp quanh 135x vẫn được đánh giá cao.
- Chiến lược giao dịch trong phiên: Linh hoạt trading 2 chiều, mở vị thế SHORT tại kháng cự và mở LONG tại các vùng hỗ trợ.
- Chiến lược giao dịch qua đêm: Tiếp tục nắm giữ vị thế Long đã mở.

Lưu ý: Mức dừng lỗ áp dụng cho các vị thế trong phiên là 2 điểm và qua đêm là 5 điểm. Tùy vào khẩu vị rủi ro và diễn biến thực tế, NĐT có thể cần điều chỉnh tăng giảm nhẹ các mức này.

KBSV danh mục đầu tư mẫu

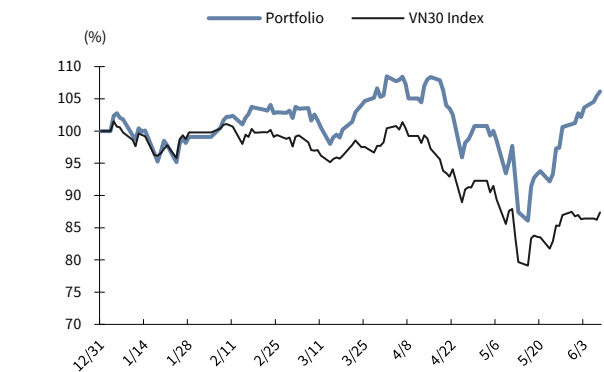
Khối phân tích KBSV

Phương pháp tiếp cận:

- Danh mục tập hợp các cổ phiếu tiềm năng nhất được KBSV nghiên cứu và khuyến nghị nắm giữ trong 3 tháng tới với mục đích mang lại hiệu suất vượt trội so với chỉ số VN30.
- Ngưỡng cắt lỗ tại -15%
- Luôn duy trì 100% danh mục là cổ phiếu (có thể bao gồm CCQ ETF) với trọng số được phân bổ đều (tỷ trọng cổ phiếu trong danh mục được điều chỉnh hàng tháng).

| | VN30 Index | Master Portfolio |
|-------------------|------------|------------------|
| Tăng trong phiên | 1.33% | 0.64% |
| Tăng lũy kế (YTD) | -12.61% | 6.14% |

So sánh hiệu suất với VN30 Index



Danh mục đầu tư mẫu cho NĐT trong nước

| Mã CP | Ngày khuyến nghị | Giá đóng cửa 08/06/2022 | Tăng/giảm trong phiên (%) | Tăng/giảm lũy kế (%) | Điểm nhấn đầu tư |
|---------------------------------|------------------|-------------------------|---------------------------|----------------------|---|
| Mobile World (MWG) | 09/08/2019 | 153,400 | 0.3% | 98.0% | - MWG đã tối ưu hóa doanh thu cho chuỗi cửa ĐMX và TGDD - BHX dự kiến sớm đạt điểm hòa vốn tại cửa hàng và trung tâm phân phối - Về dài hạn, BHX đặt mục tiêu năm 10-15% thị trường bán lẻ thực phẩm |
| Dam Phu My (DPM) | 04/03/2022 | 66,800 | -1.0% | 11.9% | - Giá phân bốn tiếp tục duy trì ở mức cao với nguồn cung hạn chế, trong khi nhu cầu trong nước phục hồi - Tình hình tài chính lành mạnh, ROE cao nhất ngành, đòn bẩy thấp |
| Phu Nhuận Jewelry (PNJ) | 22/03/2019 | 128,000 | 0.0% | 67.0% | - Tăng trưởng doanh số bán lẻ trang sức vẫn duy trì ở mức cao - PNJ hội tụ đủ điều kiện để thành công trên thị trường đồng hồ đeo tay - Hoạt động kinh doanh cốt lõi tăng trưởng trở lại sau sự cố "ERP" |
| Nam Tân Uyên (NTC) | 11/11/2021 | 175,000 | 1.8% | -10.5% | - Khu Công nghiệp NTC-3 được phê duyệt đóng góp tăng trưởng 2022 - Triển vọng tích cực trong dài hạn của ngành khu công nghiệp - Cấu trúc tài chính lành mạnh |
| Refrig Elec Eng (REE) | 11/10/2018 | 98,300 | 2.4% | 224.7% | - Mảng cho thuê văn phòng đem lại dòng tiền ổn định cho REE - Đầu tư chiến lược vào ngành tiện ích đem về dòng cổ tức ổn định dài hạn |
| FPT Corp (FPT) | 06/09/2018 | 115,000 | -0.5% | 297.1% | - Hoạt động xuất khẩu phần mềm đang tăng trưởng mạnh - Mảng viễn thông dự kiến duy trì ổn định tăng trưởng 15% - Dự kiến FPT có thể duy trì tốc độ tăng trưởng lợi nhuận trên 20% hết 2020 |
| Vietin Bank (CTG) | 31/01/2020 | 27,700 | 1.1% | 44.9% | - Kết quả kinh doanh tăng trưởng mạnh trong năm 2019 - Kỳ vọng vào việc tăng vốn sẽ diễn ra mạnh mẽ trong năm 2020 - Chất lượng tài sản được cải thiện mạnh |
| PV Gas (GAS) | 11/12/2020 | 128,900 | -0.8% | 77.1% | - Hưởng lợi từ nhu cầu LNG tăng cao trước tình trạng thiếu hụt của ngành điện - Thông tin về vaccine, OPEC+ trì hoãn nâng sản lượng hỗ trợ giá dầu - Kỳ vọng việc xây dựng cảng LNG Thị Vải được đẩy mạnh |
| Hoa Phat Group (HPG) | 04/12/2019 | 32,900 | -0.9% | 129.4% | - Sản lượng tiêu thụ thép bắt đầu hồi phục trở lại - Giá thép xây dựng có tín hiệu bắt đầu xu hướng hồi phục - Công suất tăng thêm từ dự án Dung Quất giúp HPG mở rộng thị phần. |
| Kinhbacs City Development (KBC) | 09/03/2020 | 44,800 | 4.2% | 213.9% | - Giá bán khu đô thị Trảng Duệ cao hơn kỳ vọng - Hưởng lợi từ các Hiệp định thương mại tự do, đặc biệt là EVFTA - Covid-19 đẩy nhanh quá trình chuyển dịch nhà máy khỏi Trung Quốc |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Thống kê thị trường

HSX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|-----|--------------|-----------------------|-------------------|
| DPM | -1.0% | 15.4% | 84.5 |
| MSN | 1.2% | 28.8% | 84.0 |
| GAS | -0.9% | 2.9% | 65.4 |
| DCM | -0.6% | 10.0% | 55.3 |
| PNJ | 0.0% | 48.8% | 39.5 |

| Mã | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|---------|--------------|-----------------------|-------------------|
| HPG | -0.9% | 21.0% | -191.3 |
| NVL | 0.5% | 6.3% | -50.2 |
| MWG | 0.3% | 49.0% | -41.1 |
| E1VFN30 | 0.2% | 93.0% | -32.2 |
| VIC | 0.1% | 12.4% | -26.0 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

HNX – Top 5 cổ phiếu mua/bán ròng khối ngoại

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Mua ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| SHS | 4.0% | 7.0% | 21.3 |
| TNG | 1.3% | 2.2% | 17.0 |
| IDC | 4.1% | 1.7% | 13.0 |
| PVG | 9.9% | 1.1% | 0.9 |
| NVB | 3.2% | 12.3% | 0.5 |

| Ticker | Thay đổi (%) | Sở hữu nước ngoài (%) | Bán ròng (Tỷ VND) |
|--------|--------------|-----------------------|-------------------|
| PVS | -3.0% | 9.5% | -66.4 |
| HUT | 2.3% | 0.7% | -0.6 |
| SD5 | 1.0% | 2.6% | -0.6 |
| PVI | 3.1% | 58.3% | -0.6 |
| NDN | 2.3% | 1.9% | -0.5 |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 nhóm ngành tăng/giảm trong tuần

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 10.1% | YEG, PNC |
| Hóa chất | 9.4% | DGC, GVR |
| Bán lẻ | 6.9% | MWG, FRT |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 6.7% | PNJ, MSH |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 6.1% | GAS, POW |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -3.9% | HPG, HSG |
| Du lịch và Giải trí | -3.0% | VJC, HVN |
| Bất động sản | -2.0% | VHM, VIC |
| Dịch vụ tài chính | -0.6% | VND, BCG |
| Ngân hàng | -0.5% | VCB, BID |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Nhóm ngành – Top 5 tăng/giảm trong tháng

| 5 ngành diễn biến tích cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Truyền thông | 20.1% | YEG, PNC |
| Công nghệ thông tin | 18.9% | FPT, SAM |
| Điện, nước & xăng dầu khí đốt | 18.8% | GAS, POW |
| Hàng cá nhân & Gia dụng | 14.5% | PNJ, MSH |
| Hóa chất | 13.7% | DGC, GVR |

| 5 ngành diễn biến tiêu cực nhất | Thay đổi (%) | Mã tiêu biểu |
|---------------------------------|--------------|--------------|
| Tài nguyên Cơ bản | -14.9% | HPG, HSG |
| Bảo hiểm | -4.0% | BVH, BIC |
| Du lịch và Giải trí | -1.4% | HVN, DAH |
| Y tế | -1.1% | DHG, TRA |
| Bất động sản | 0.0% | VHM, VIC |

Nguồn: FiinPro, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USD mn) | GTGD (VND triệu, USD mn) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | | |
|--------------------------|------------------|------------------|--------------|-------------------------------------|--------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD | |
| Bất Động Sản | VIC | VINGROUP JSC | 97,778 | 372,067 (16,170) | 159,523 (6.9) | 22.5 | 265.0 | 93.5 | 14.7 | 1.0 | 3.0 | 2.9 | 2.8 | 0.1 | -1.5 | -2.1 | -17.9 | |
| | VHM | VINHOMES JSC | 79,385 | 339,478 (14,753) | 243,817 (10.5) | 26.6 | 9.2 | 7.8 | 35.9 | 23.4 | 22.3 | 2.0 | 1.6 | 0.0 | -2.6 | -0.3 | -16.5 | |
| | VRE | VINCOM RETAIL JS | 34,850 | 79,190 (3,442) | 93,629 (4.1) | 17.8 | 30.6 | 20.3 | -7.6 | 7.3 | 10.2 | 2.2 | 2.0 | 1.7 | 1.2 | 2.7 | 1.0 | |
| | NVL | NO VA LAND INVES | 45,853 | 86,712 (3,768) | 215,791 (9.3) | 31.3 | 27.1 | 21.2 | 6.7 | 15.1 | 16.6 | 3.7 | 3.2 | 0.5 | -2.1 | -5.4 | -16.0 | |
| | KDH | KHANG DIEN HOUSE | 31,182 | 19,167 (833) | 42,422 (1.8) | 11.6 | 20.0 | 16.4 | 13.7 | 13.1 | 14.0 | 2.3 | 2.1 | 2.2 | -1.7 | - | 10.4 | -19.0 |
| | DXG | DAT XANH GROUP | 21,130 | 12,594 (547) | 254,674 (11.0) | 13.9 | 12.0 | 11.6 | - | 13.9 | 12.2 | 1.4 | 1.3 | 6.9 | 14.3 | 28.9 | -33.9 | |
| Ngân hàng | VCB | BANK FOR FOREIGN | 79,937 | 378,305 (16,441) | 78,419 (3.4) | 6.3 | 14.6 | 11.8 | 11.7 | 20.7 | 22.1 | 2.7 | 2.4 | -2.2 | -1.6 | -0.3 | 0.5 | |
| | BID | BANK FOR INVESTM | 34,507 | 174,556 (7,586) | 40,787 (1.8) | 12.7 | 12.9 | 10.4 | -5.3 | 16.2 | 17.6 | 1.8 | 1.5 | 2.1 | -2.4 | -7.3 | -7.5 | |
| | TCB | VIETNAM TECHNOLO | 38,900 | 136,341 (5,925) | 239,834 (10.4) | 0.0 | 6.0 | 5.1 | 14.3 | 20.7 | 19.6 | 1.1 | 0.9 | 2.9 | 1.1 | 10.2 | -25.5 | |
| | CTG | VIETNAM JS COMM | 28,512 | 137,021 (5,955) | 126,913 (5.5) | 1.4 | 7.1 | 5.7 | 50.3 | 18.2 | 21.8 | 1.2 | 1.1 | 1.1 | -0.2 | 2.6 | -18.3 | |
| | VPB | VIETNAM PROSPERI | 22,944 | 101,381 (4,406) | 366,767 (15.9) | 0.0 | 7.7 | 7.2 | 18.8 | 20.1 | 16.7 | 1.4 | 1.1 | 4.4 | 3.1 | -6.9 | -11.2 | |
| | MBB | MILITARY COMMERC | 19,407 | 73,327 (3,187) | 217,763 (9.4) | 0.0 | 6.8 | 5.4 | 14.6 | 24.4 | 22.8 | 1.4 | 1.1 | 3.7 | 1.3 | -0.2 | -3.3 | |
| | HDB | HDBANK | 20,400 | 40,641 (1,766) | 60,435 (2.6) | 4.2 | 7.1 | 6.1 | 23.3 | 22.2 | 20.6 | 1.4 | 1.2 | 2.6 | -0.8 | 7.9 | -15.9 | |
| | STB | SACOMBANK | 18,600 | 33,548 (1,458) | 421,681 (18.2) | 14.0 | 9.7 | 8.1 | 26.5 | 12.0 | 16.4 | 1.1 | 0.9 | 6.9 | -2.9 | 15.3 | -31.4 | |
| | TPB | TIEN PHONG COMME | 20,630 | 28,732 (1,249) | 96,179 (4.2) | 0.0 | 7.4 | 5.9 | 37.4 | 22.4 | 22.5 | 1.5 | 1.2 | 2.2 | -5.5 | 10.0 | -26.3 | |
| EIB | VIETNAM EXPORT-I | 18,500 | 22,745 (988) | 5,902 (0.3) | 0.2 | - | - | 27.3 | - | - | - | - | 2.0 | -4.3 | 5.1 | -7.7 | | |
| Bảo hiểm | BVH | BAO VIET HOLDING | 61,900 | 45,950 (1,997) | 95,885 (4.1) | 21.0 | 17.3 | 14.2 | 15.8 | 11.0 | 12.2 | 1.8 | 1.6 | -1.2 | 4.7 | 13.2 | -1.1 | |
| | BMI | BAOMINH INSURANC | 22,250 | 2,439 (106) | 14,145 (0.6) | 14.2 | 16.0 | 13.0 | 9.1 | 13.0 | 15.2 | 1.8 | 1.7 | -1.7 | 7.6 | 11.0 | -25.0 | |
| Chứng khoán | SSI | SSI SECURITIES C | 21,998 | 19,947 (867) | 531,269 (23.0) | 55.4 | 11.9 | 12.4 | -3.2 | 17.4 | 12.9 | - | - | 3.9 | -0.8 | 1.6 | -43.4 | |
| | VCI | VIET CAPITAL SEC | 27,500 | 9,108 (396) | 167,733 (7.2) | 71.9 | 9.3 | - | -4.0 | 27.1 | - | - | - | 6.9 | 6.6 | 12.5 | -42.5 | |
| | HCM | HO CHI MINH CITY | 22,265 | 8,907 (387) | 100,000 (4.3) | 52.4 | 8.4 | - | -19.0 | 19.5 | - | - | - | 3.7 | -0.8 | 1.5 | -48.0 | |
| | VND | VNDIRECT SECURIT | 6,983 | 5,734 (249) | 238,481 (10.3) | 27.2 | - | - | 36.3 | - | - | - | - | 3.3 | -2.9 | -8.5 | -25.8 | |
| Hàng tiêu dùng thiết yếu | VNM | VIET NAM DAIRY P | 109,000 | 227,805 (9,900) | 144,751 (6.3) | 42.1 | 16.4 | 15.0 | 4.0 | 28.0 | 28.8 | 4.3 | 4.0 | 0.6 | -1.3 | 1.1 | -17.8 | |
| | SAB | SAIGON BEER ALCO | 192,500 | 123,447 (5,365) | 29,600 (1.3) | 36.9 | 23.3 | 19.4 | 7.3 | 20.0 | 21.5 | 4.3 | 3.8 | -0.1 | 4.3 | -4.7 | 5.8 | |
| | MSN | MASAN GROUP CORP | 79,250 | 111,712 (4,855) | 117,371 (5.1) | 16.5 | 26.5 | 20.4 | -51.9 | 18.6 | 21.2 | 4.1 | 3.5 | 1.2 | 3.7 | 2.0 | -16.3 | |
| | HNG | HOANG ANH GIA LA | 12,450 | 13,801 (600) | 29,739 (1.3) | 48.8 | - | - | - | - | - | - | - | 4.5 | 2.2 | -6.3 | -46.9 | |
| Công nghiệp (vận tải) | VJC | VIETJET AVIATION | 131,800 | 69,042 (3,001) | 85,525 (3.7) | 11.0 | 55.9 | - | -88.5 | 7.7 | - | - | - | 0.2 | -3.3 | -0.8 | -1.0 | |
| | GMD | GEMADEPT CORP | 33,100 | 9,976 (434) | 169,950 (7.3) | 10.8 | 22.9 | 18.6 | -57.0 | 12.8 | 13.6 | 2.6 | 2.4 | -2.1 | 2.7 | 7.1 | 27.1 | |
| | CII | HO CHI MINH CITY | 22,600 | 5,398 (235) | 114,642 (5.0) | 38.4 | 7.4 | 36.3 | 65.7 | 14.1 | 2.6 | 1.0 | 1.0 | 2.4 | -4.5 | 3.4 | -54.1 | |
| Công nghiệp (Tư bản) | ROS | FLC FAROS CONSTR | 3,670 | 2,083 (091) | 39,964 (1.7) | 46.4 | - | - | -92.4 | - | - | - | - | 6.8 | - | - | -75.7 | |
| | GEX | GELEX GROUP JSC | 15,802 | 10,411 (452) | 263,440 (11.4) | 37.7 | - | - | -14.4 | - | - | - | - | 2.4 | 0.0 | 11.9 | -42.4 | |
| | CTD | COTECCONS CONSTR | 73,200 | 5,438 (236) | 32,057 (1.4) | 3.6 | 47.4 | 11.5 | -52.4 | 1.3 | 4.5 | - | - | 2.2 | 2.5 | 5.8 | -48.3 | |
| | REE | REE | 51,826 | 18,419 (800) | 119,874 (5.2) | 0.0 | 15.8 | 14.1 | -4.5 | 15.5 | 14.1 | 2.8 | 2.4 | 2.4 | 2.9 | 31.4 | 63.6 | |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

Việt Nam – Cổ phiếu tiêu biểu

| Ngành | Mã | Tên công ty | Giá bán | Vốn hóa thị trường (VND tỷ, USDm) | GTGD (VND triệu, USDm) | Room còn lại (%,-1d) | P/E (X) | | EPS CAGR (%) | ROE (%) | | P/B (X) | | Biến động (%) | | | |
|--------------------------------|-----|------------------|---------|-----------------------------------|------------------------|----------------------|---------|------|--------------|---------|------|---------|-----|---------------|------|------|-------|
| | | | | | | | 20E | 21E | | 20E | 21E | 20E | 21E | 1D | 1W | 1M | YTD |
| Tiện ích | GAS | PETROVIETNAM GAS | 90,100 | 172,447 (7,494) | 126,410 (5.5) | 46.1 | 20.1 | 18.6 | -17.5 | 22.1 | 20.7 | 4.4 | 4.0 | -0.8 | 6.5 | 17.4 | 34.0 |
| | NT2 | PETROVIETNAM NHO | 22,850 | 6,578 (286) | 21,900 (0.9) | 31.4 | 13.4 | 12.2 | -10.5 | 14.4 | 14.5 | 1.7 | 1.6 | 2.0 | 8.3 | 15.8 | -1.1 |
| | PPC | PHA LAI THERMAL | 26,200 | 8,400 (365) | 2,606 (0.1) | 34.1 | 15.9 | 8.4 | -5.1 | 8.4 | 16.0 | - | - | 0.0 | 3.1 | 5.3 | -18.1 |
| Nguyên vật liệu | HPG | HOA PHAT GRP JSC | 32,481 | 145,287 (6,314) | 793,700 (34.3) | 18.0 | 4.9 | 4.9 | 21.9 | 31.8 | 23.7 | 1.2 | 1.0 | -0.9 | -4.2 | - | -29.1 |
| | DPM | PETROVIETNAM FER | 17,400 | 6,809 (296) | 310,760 (13.4) | 36.5 | 6.7 | 10.5 | -0.5 | 36.1 | 19.2 | 1.8 | 1.8 | -1.0 | 7.9 | 4.9 | 33.6 |
| | DCM | PETRO CA MAU FER | 13,650 | 7,226 (314) | 228,930 (9.9) | 46.5 | 8.0 | 11.4 | -4.5 | 35.7 | 20.6 | 2.4 | 2.1 | -0.6 | 7.8 | 18.0 | 15.1 |
| | HSG | HOA SEN GROUP | 22,636 | 11,063 (481) | 179,782 (7.8) | 38.9 | 3.5 | 4.2 | 67.9 | 29.2 | 18.5 | 0.8 | 0.6 | 2.7 | -7.1 | - | -43.9 |
| | AAA | AN PHAT BIOPLAST | 12,864 | 3,138 (136) | 48,818 (2.1) | 97.2 | - | - | 17.2 | - | - | - | - | 3.3 | -0.4 | -3.1 | -38.4 |
| Năng lượng | PLX | VIETNAM NATIONAL | 56,100 | 68,375 (2,972) | 63,535 (2.7) | 4.6 | 22.3 | 17.6 | -51.0 | 10.8 | 12.3 | - | - | 0.3 | 5.3 | 2.3 | -13.1 |
| | PVD | PETROVIETNAM DRI | 19,500 | 9,854 (428) | 179,907 (7.8) | 39.9 | 45.3 | 22.6 | -11.9 | 1.9 | 4.1 | 0.9 | 0.9 | 2.8 | 1.9 | 26.4 | -2.3 |
| | PVT | PETROVIET TRANSP | 17,900 | 5,793 (252) | 78,076 (3.4) | 35.9 | 10.0 | 9.4 | 2.2 | 14.6 | 14.4 | 1.4 | 1.3 | 0.2 | 4.3 | 21.0 | -3.3 |
| Hàng tiêu dùng không thiết yếu | MWG | MOBILE WORLD INV | 93,000 | 65,024 (2,826) | 204,700 (8.8) | 0.0 | 17.6 | 15.1 | 14.4 | 28.1 | 28.0 | 4.6 | 4.2 | 0.3 | 5.4 | 4.6 | 12.9 |
| | PNJ | PHU NHUAN JEWELR | 87,500 | 19,895 (865) | 125,600 (5.4) | 0.0 | 20.9 | 16.4 | 2.4 | 22.3 | 22.2 | 3.6 | 3.1 | 0.0 | 9.1 | 20.2 | 33.1 |
| | YEG | YEAH1 GROUP CORP | 40,300 | 1,261 (055) | 7,665 (0.3) | 70.6 | - | - | - | - | - | - | - | 7.0 | 31.8 | 53.1 | 2.4 |
| | FRT | FPT DIGITAL RETA | 18,800 | 2,227 (097) | 145,891 (6.3) | 30.3 | 21.7 | 19.2 | -75.2 | 29.8 | 26.0 | - | - | 6.9 | 17.1 | 8.6 | 53.7 |
| Chăm sóc sức khỏe | PHR | PHUOC HOA RUBBER | 61,900 | 8,387 (365) | 31,292 (1.4) | 34.6 | 10.3 | 11.9 | 41.2 | 33.0 | 24.6 | 3.0 | 2.7 | 5.0 | 12.0 | 11.4 | 3.1 |
| | DHG | DHG PHARMACEUTIC | 100,300 | 13,114 (570) | 1,392 (0.1) | 45.4 | 14.0 | 12.9 | 10.7 | 22.3 | 21.7 | 2.9 | 2.5 | 0.8 | -0.8 | -8.5 | -18.4 |
| IT | PME | PYMEPHARCO JSC | 80,200 | 6,016 (261) | #N/A (#N/A) | 11.7 | - | - | 1.6 | - | - | - | - | - | - | - | - |
| | FPT | FPT CORP | 68,000 | 61,301 (2,664) | 251,124 (10.9) | 0.0 | 22.5 | 17.1 | 15.5 | 26.2 | 27.7 | 5.0 | 4.1 | -0.5 | 2.9 | 14.8 | 23.7 |

Nguồn: Bloomberg, KB Securities Vietnam

KHỐI PHÂN TÍCH CÔNG TY CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM

Nguyễn Xuân Bình
Giám đốc Khối Phân tích
binhnx@kbsec.com.vn

Phân tích Doanh nghiệp

Dương Đức Hiếu
Giám đốc Phân tích Doanh nghiệp
hieudd@kbsec.com.vn

Nguyễn Anh Tùng
Chuyên viên cao cấp – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
tungna@kbsec.com.vn

Phạm Hoàng Bảo Nga
Chuyên viên cao cấp – Bất động sản, Xây dựng & Vật liệu xây dựng
ngaphb@kbsec.com.vn

Lương Ngọc Tuấn Dũng
Chuyên viên phân tích – Bán lẻ & Hàng tiêu dùng
dunglnt@kbsec.com.vn

Tiêu Phan Thanh Quang
Chuyên viên phân tích – Dầu khí & Tiện ích
quangtpt@kbsec.com.vn

Nguyễn Đức Huy
Chuyên viên phân tích – Ngân hàng, Bảo hiểm & Chứng khoán
huynd1@kbsec.com.vn

Khối Phân tích
research@kbsec.com.vn

Phân tích Vĩ mô & Chiến lược đầu tư

Trần Đức Anh
Giám đốc Vĩ mô & Chiến lược Đầu tư
anhhd@kbsec.com.vn

Lê Hạnh Quyên
Chuyên viên phân tích – Vĩ mô & Ngân hàng
quyenlh@kbsec.com.vn

Thái Hữu Công
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Hóa chất
congth@kbsec.com.vn

Trần Thị Phương Anh
Chuyên viên phân tích – Chiến lược, Thủy sản & Dệt may
anhhttp@kbsec.com.vn

Bộ phận Hỗ trợ

Nguyễn Cẩm Thơ
Chuyên viên hỗ trợ
thonc@kbsec.com.vn

Nguyễn Thị Hương
Chuyên viên hỗ trợ
huongnt3@kbsec.com.vn

CTCP CHỨNG KHOÁN KB VIỆT NAM (KBSV)

Trụ sở chính:

Địa chỉ: Tầng G, tầng M, tầng 2 và 7, Tòa nhà Sky City số 88 Láng Hạ, Đống Đa, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7303 5333 - Fax: (+84) 24 3776 5928

Chi nhánh Hà Nội:

Địa chỉ: Tầng 1, Tòa nhà VP, số 5 Điện Biên Phủ, Quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: (+84) 24 7305 3335 - Fax: (+84) 24 3822 3131

Chi nhánh Hồ Chí Minh:

Địa chỉ: Tầng 2, TNR Tower Nguyễn Công Trứ, 180-192 Nguyễn Trứ, Q1, TP Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7303 5333 - Fax: (+84) 28 3914 1969

Chi nhánh Sài Gòn:

Địa chỉ: Tầng 1, Saigon Trade Center, 37 Tôn Đức Thắng, Phường Bến Nghé, Q1, Hồ Chí Minh
Điện thoại: (+84) 28 7306 3338 - Fax: (+84) 28 3910 1611

LIÊN HỆ

Trung Tâm Khách hàng Tổ chức: (+84) 28 7303 5333 – Ext: 2656

Trung Tâm Khách hàng Cá nhân: (+84) 24 7303 5333 – Ext: 2276

Email: ccc@kbsec.com.vn

Website: www.kbsec.com.vn

Hệ thống khuyến nghị

Hệ thống khuyến nghị đầu tư cổ phiếu

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Mua: | Nắm giữ: | Bán: |
|-------------------|---------------------------|--------------------|
| +15% hoặc cao hơn | trong khoảng +15% và -15% | -15% hoặc thấp hơn |

Hệ thống khuyến nghị đầu tư ngành

(dựa trên kỳ vọng tăng giá tuyệt đối trong 6 tháng tới)

| Khả quan: | Trung lập: | Kém khả quan: |
|--------------------------|--------------------|--------------------|
| Vượt trội hơn thị trường | Phù hợp thị trường | Kém hơn thị trường |

Ý kiến trong báo cáo này phản ánh đánh giá chuyên môn của (các) chuyên viên phân tích kể từ ngày phát hành và dựa trên thông tin và dữ liệu thu được từ các nguồn mà KBSV cho là đáng tin cậy. KBSV không tuyên bố rằng thông tin và dữ liệu là chính xác hoặc đầy đủ và các quan điểm được trình bày trong báo cáo này có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Khách hàng nên độc lập xem xét các trường hợp và mục tiêu cụ thể của riêng mình và tự chịu trách nhiệm về các quyết định đầu tư của mình và chúng tôi sẽ không có trách nhiệm đối với các khoản đầu tư hoặc kết quả của chúng. Những tài liệu này là bản quyền của KBSV và không được sao chép, phân phối lại hoặc sửa đổi mà không có sự đồng ý trước bằng văn bản của KBSV. Nhận xét và quan điểm trong báo cáo này có tính chất chung và chỉ nhằm mục đích tham khảo và không được phép sử dụng cho bất kỳ mục đích nào khác.